

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1383/2025/DS-PT

Ngày: 30-9-2025

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Trần Cảnh

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thanh Trúc

Ông Trần Đăng Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Minh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đồng Văn Nam - Kiểm sát viên.

Trong 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 749/2025/TLPT-DS ngày 04/8/2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 263/2025/DS-ST ngày 17/6/2025, của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 5248/2025/QĐPT-DS ngày 25 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17063/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Số F P, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Phạm Hiền T, sinh năm 1979 (có mặt)

Là Luật sư Văn phòng L2 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

Bị đơn:

1/ Bà Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1987 (vắng mặt)

2/ Ông Trần Việt N, sinh năm 1980 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số G T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là

phường D, Thành phố Hồ Chí Minh)

Đại diện theo ủy quyền của bà Thu L: Ông Huỳnh Kim C, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Số A T, Phường D, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh)

(Theo Giấy ủy quyền lập ngày 31/5/2024)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

1/ Bà Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh năm 1972 (có mặt)

2/ Ông Nguyễn Minh P, sinh năm 1992 (có mặt)

Là Luật sư Công ty L3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số B T, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường V, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người kháng cáo: Đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu L là ông Huỳnh Kim C và bị đơn ông Trần Nam V1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H2 trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với vợ chồng ông Trần Việt N và bà Nguyễn Thị Thu L nên trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến năm 2024, ông Nguyễn Mạnh H có cho vợ chồng ông N bà L vay tiền nhiều lần. Phần lớn các lần vay tiền, ông N bà L đã trả nợ cho ông H. Tuy nhiên, có khoản vay ngày 20/01/2023 và khoản vay ngày 05/02/2024, ông N bà L vẫn chưa trả cho ông H. Ông H nhiều lần đòi tiền nhưng ông N bà L không trả. Do đó, ông H đã khởi kiện vợ chồng ông N bà L để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Mạnh H yêu cầu vợ chồng ông Trần Việt N bà Nguyễn Thị Thu L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H các khoản nợ vay sau đây:

Khoản vay ngày 20/01/2023 với số tiền vốn gốc là 4.510.000.000 đồng và tiền lãi suất từ ngày 30/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12/6/2025 với mức lãi suất là 10%/năm, thành tiền lãi là 542.435.616 đồng.

Khoản vay ngày 05/02/2024 với số tiền gốc là 5.000.000.000 đồng và tiền lãi suất từ ngày 01/5/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12/6/2025 với mức lãi suất là 10%/năm, thành tiền lãi là 557.534.247 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu L và người đại diện theo ủy quyền là ông Huỳnh Kim C trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thu L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh H. Bà L không đồng ý trả nợ gốc và nợ lãi cho ông H theo Giấy mượn tiền ngày 20/01/2023 và Giấy xác nhận nợ ngày 05/02/2024 với các lý do như sau:

Đối với khoản mượn tiền 4.510.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 20/01/2023 thì bà L đã giao tiền cho ông Nguyễn Văn V (là người làm công cho bà L) đi chuyển khoản trả nợ nhiều lần cho ông H với tổng số tiền là 4.792.999.999 đồng, theo các Ủy nhiệm chi mà bà L đã giao nộp cho Tòa án.

Đối với Giấy xác nhận nợ ngày 05/02/2024: Bà Nguyễn Thị Thu L có viết và ký vào Giấy xác nhận nợ ngày 05/02/2024, với nội dung bà L xác nhận vào ngày 05/02/2024, bà L có vay của ông H 5.000.000.000 đồng và hẹn thanh toán số tiền này cho ông H vào ngày 01/05/2024. Tuy nhiên, do bà L chưa nhận được khoản tiền vay 5.000.000.000 đồng từ ông H theo Giấy xác nhận nợ ngày 05/02/2024. Do đó, bà L không đồng ý trả khoản nợ này cho ông H.

Về các giao dịch khác giữa bà Nguyễn Thị Thu L và ông Nguyễn Mạnh H không liên quan đến vụ án này nên ông Huỳnh Kim C từ chối việc trả lời và trình bày.

Bị đơn ông Trần Việt N trình bày:

Ông N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh H. Ông không đồng ý liên đới với vợ là bà Nguyễn Thị Thu L trả các khoản nợ vay cho ông H. Ông không vay tiền của ông H và không cùng với bà L ký kết các giấy vay mượn tiền với ông H. Về các đoạn ghi âm mà ông H cung cấp thì do lúc đó ông và ông H là chỗ thân quen nên ông có nói chơi, nói đùa với ông H nhưng ông H lại ghi âm làm bằng chứng để khởi kiện ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V trình bày:

Nguồn gốc các khoản tiền mà ông Nguyễn Văn V đã chuyển khoản thanh toán cho ông Nguyễn Mạnh H theo các Ủy nhiệm chi (do bà L cung cấp cho Tòa án) là tiền của bà L đưa cho ông để thay mặt bà L chuyển khoản trả nợ cho ông Nguyễn Mạnh H. Đồng thời, ông Nguyễn Văn V xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 263/2025/DS-ST ngày 17/6/2025, của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh) đã quyết định:

“- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 124, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Trần Việt N và bà Nguyễn Thị Thu L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Mạnh H số tiền 10.609.969.863 đồng (mười tỷ sáu trăm linh chín triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng) gồm: Khoản nợ gốc của giao dịch vay tiền ngày 20/01/2023 là 4.510.000.000 đồng (bốn tỷ năm trăm mười triệu đồng); khoản nợ lãi của giao dịch vay tiền ngày 20/01/2023 là 542.435.616 đồng (năm trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng); khoản nợ gốc của giao dịch vay tiền ngày 05/02/2024 là 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng); khoản nợ lãi của giao dịch vay tiền ngày 05/02/2024 là 557.534.247 đồng (năm trăm năm mươi bảy triệu năm trăm ba mươi tư nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành chưa thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án”.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 25/6/2025, bị đơn ông Trần Nam V1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 30/6/2025, đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu L là ông Huỳnh Kim C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu L trình bày: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì bị đơn bà Nguyễn Thị Thu L chỉ còn thiếu nguyên đơn số tiền 718.399.997 đồng; ngoài ra, cấp sơ thẩm đưa thiếu

người tham gia tố tụng là bà Huỳnh Thị Ánh H3 bởi tài liệu nguyyeen đơn cung cấp thì có cá nhân bà Huỳnh Thị Ánh H3 có chuyển khoản vào tài khoản nguyên đơn số tiền 4.364.499.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà L hủy bản án sơ thẩm.

Bị đơn ông Trần Việt N trình bày: Bản thân ông không biết quá trình vay mượn của bị đơn bà L với phía nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp thể hiện ông biết là giả tạo, ông chỉ biết sau khi nguyên đơn khởi kiện. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông, ông không có nghĩa vụ liên đới trả số tiền cho nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phía bị đơn Luật sư Nguyễn Thị Mỹ H1 trình bày: Nguyên đơn tranh chấp đối với giấy nhận nợ ngày 20/01/2023 với số tiền 4.510.000.000 đồng đây là giấy nhận nợ phát sinh từ các khoản nợ trước đây bao gồm gốc và lãi giữa nguyên đơn và bị đơn L. Đối với khoản nợ ngày 05/0/2024 với số tiền 5.000.000.000 đồng phía bị đơn chưa nhận tiền. Như vậy, quá trình vay mượn giữa nguyên đơn và bị đơn diễn ra trong thời gian dài, nguyên đơn chưa làm rõ các khoản nợ đã trả nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn hủy bản án sơ thẩm để làm rõ. Trường hợp Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo hủy bản án sơ thẩm thì đề nghị xem xét lại số tiền lãi mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư Nguyễn Minh P Trình bày: Cấp sơ thẩm chưa làm rõ quá trình vay mượn giữa nguyên đơn và bị đơn cũng như khoản vay 4.510.000.000 đồng xuất phát từ đâu mà buộc phía bị đơn phải trả cho nguyên đơn là chưa có cơ sở, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh H trình bày: Giữa ông và bị đơn bà Nguyễn Thị Thu L có mối quan hệ làm ăn lâu dài, bà L có nhiều lần vay nợ của ông đến nay vẫn chưa trả, do điều kiện kinh tế khó khăn khi phải đóng tạm ứng án phí nên ông chỉ mới khởi kiện 02 giấy nhận nợ, còn nhiều giấy nhận nợ chưa khởi kiện. Do đó, ông H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Tại cấp sơ thẩm phía bị đơn cố tình gây khó khăn trong việc giải quyết. Phía bị đơn cung cấp những sao kê để chứng minh cho việc đã trả tiền nhưng những chứng cứ này không liên quan đến khoản nợ mà nguyên đơn khởi kiện. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cung cấp các tài liệu chứng cứ là không hợp pháp, ngoài ra có sự mâu thuẫn trong lời trình bày giữa bị đơn ông Trần Việt N và chứng cứ mà phía

bị đơn đã nộp thẻ hiện ông N có mặt vào thời điểm cho vay tiền. Tòa án cấp sơ thẩm đã làm rõ, đầy đủ, chính xác số tiền gốc, tiền lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án đã thực hiện đúng về thời hạn chuẩn bị xét xử. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Về giải quyết vụ án: Phía bị đơn không chứng minh được việc đã trả nợ cho phía nguyên đơn, do đó phía bị đơn phải có nghĩa vụ đối với các khoản nợ mà nguyên đơn khởi kiện. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn cung cấp thêm tài liệu chứng cứ là các hình ảnh tin nhắn, đoạn ghi âm nhưng không chứng minh được thời gian, địa điểm ghi âm cũng như các thuộc tính của chứng cứ nên không có giá trị xem xét. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên đương sự trình bày ý kiến, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định

- Về thủ tục:

[1] Đơn kháng cáo của ông Trần Nam V1, ông Huỳnh Kim C trong hạn luật định, trong phạm vi ủy quyền nên được chấp nhận về thủ tục kháng cáo đối với tư cách kháng cáo cho bị đơn.

[2] Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh) xác định đúng quan hệ tranh chấp, xét xử đúng thẩm quyền.

[3] Về xác định tư cách tố tụng và triệu tập đương sự tham gia phiên tòa sơ thẩm:

- Phía bị đơn có cung cấp Ủy nhiệm chi do Phòng G, chi nhánh H4 của Ngân hàng TMCP S thể hiện cá nhân chuyển: “NGUYEN VAN VINH” Địa chỉ: B1, PHUONG 3 để chứng minh cho việc phía bị đơn có nhờ ông Nguyễn Văn V chuyển khoản trả nợ cho nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập ông

Nguyễn Văn V đến làm việc nhưng ông V không đến. Ngày 18/02/2025, ông Nguyễn Văn V, địa chỉ thường trú: Tổ A N, thành phố Q tỉnh Quảng Ngãi có gửi Đơn đề nghị và tự khai được chứng thực chữ ký tại Văn phòng C1 theo số chứng thực 000206, quyền số 02/2025-SCT/CK,ĐC. Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ tại Ngân hàng S để xác định cá nhân đứng tên trên các Ủy nhiệm chi có phải là ông Nguyễn Văn V đứng Đơn đề nghị và tự khai ngày 18/02/2025 có phải là một cá nhân hay không để từ đó đưa người tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự cũng như đánh giá các chứng cứ theo Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự là có sai sót, cần khắc phục để đánh giá toàn diện nội dung vụ án.

- Ngày 30/8/2024, phía bị đơn có bản tự khai thể hiện số tiền đã trả cho nguyên đơn và cung cấp các tài liệu là ủy nhiệm chi và phiếu chuyển tiền trong đó có phiếu chuyển tiền ngày 23/5/2023 số tiền 100.000.000 đồng do cá nhân chuyển tên “HUYNH THI ANH HONG” số tài khoản 27438767 mở tại Ngân hàng TMCP Á, Phòng G1. Tại phiên tòa phúc thẩm phía nguyên đơn và bị đơn thừa nhận bà H3 là nhân viên của bà L và các lần bà H3 chuyển khoản tiền cho ông H là theo yêu cầu của bà L và bà L đã thông báo cho ông H việc bà H3 chuyển tiền trả nợ.

Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu phía bị đơn cung cấp bản chính hoặc xác minh tại Ngân hàng TMCP Á; đồng thời chưa xác minh “HUYNH THI ANH HONG” chuyển tiền cho phía nguyên đơn có liên quan như thế nào trong quá trình giải quyết vụ án, có phải thực hiện chuyển tiền thay cho phía bị đơn như cá nhân “NGUYEN VAN VINH” hay không để đưa tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có sai sót, cần khắc phục để giải quyết toàn diện vụ án.

- Về nội dung:

[1] Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có quan hệ vay mượn tài sản nhiều lần với hình thức tiền mặt và chuyển khoản; việc giao nhận tài sản cho vay giữa nguyên đơn và bị đơn cũng bằng hình thức tiền mặt và chuyển khoản. Phía nguyên đơn cho rằng khi giao dịch bằng tiền mặt thì thanh toán bằng tiền mặt; phía bị đơn cho rằng giao dịch tiền mặt hay chuyển khoản thì việc trả tiền cũng hỗn hợp giữa tiền mặt và chuyển khoản, không có sự tách biệt rõ ràng.

[2] Nguyên đơn nộp các bảng liệt kê chi tiết giao dịch do Ngân hàng TMCP S, Chi nhánh C2, Phòng G2 thể hiện từ 24/4/2023 đến 19/7/2023 nguyên đơn chuyển 29 từ tài khoản số 000002528739 chủ tài khoản Nguyễn Mạnh H đến tài khoản số 0600035661606 Ngân hàng TMCP S1 Nguyễn Thị Thu L và 03 lần đến tài khoản 6877798 Ngân hàng TMCP Á chủ tài khoản

Nguyễn Thị Thu L1 với tổng số tiền là 10.822.899.989 đồng, nội dung chuyển khoản có “...chuyen tien cho muon”, “....cho muon”, “chuyen tien”, “ck”.

Sổ phụ tài khoản số 000002528739 Ngân hàng TMCP S1 Nguyễn Mạnh H từ 09/8/2023 đến 23/4/2024 và 09/8/2022 đến 09/8/2023 không thể hiện tài khoản chuyển tiền, tài khoản nhận tiền. Căn cứ vào nội dung diễn giải thì xác định:

+ 02 giao dịch có nội dung “NGUYEN THI THU LOAN: Tra tm” với tổng số tiền là 949.999.999 đồng.

+ 20 giao dịch có nội dung “NGUYEN VAN VINH: Tra tm” với tổng số tiền là 5.453.499.998 đồng.

+ 07 giao dịch có nội dung “HUYNH THI ANH HONG: Tra tm” với tổng số tiền là 2.150.499.997 đồng.

Ngoài ra, còn các giao dịch có nội dung “Loan ck....” hoặc “tra tien muon”....

Từ đó, cho thấy mối quan hệ vay mượn giữa nguyên đơn và bị đơn diễn ra nhiều lần, số tiền cho mượn và số tiền trả không khớp đối với từng giao dịch. Nguyên đơn cho bị đơn vay theo hình thức chuyển khoản với khoản vay thấp nhất là 33.400.000 đồng; cao nhất là 499.999.999 đồng; phía bị đơn chuyển trả thì thấp nhất là 6.000.000 đồng, cao nhất là 499.999.999 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm cần tiếp tục thu thập thêm để xác định rõ mối quan hệ giao dịch giữa các bên đương sự mới giải quyết toàn diện vụ án.

Từ những lý lẽ đã viện dẫn, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu L, ông Trần Việt N.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 263/2025/DS-ST ngày 17/6/2025 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh).

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Các ông/bà: Nguyễn Thị Thu L, Trần Việt N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) cho các ông/bà: Nguyễn Thị Thu L đã nộp theo Biên lai thu số 0001106 ngày 01/7/2025; Trần Việt Nam đã nộp theo B lại thu số 0000354 ngày 25/6/2025. Tất cả các biên lai do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh) ban hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. HCM;
- Thi hành án dân sự Tp. HCM;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Trần Cảnh